TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07/02/2018
"V/v tranh chấp HNGĐ – Xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản và nợ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Huỳnh Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Mai Hương,
2. Ông Phạm Phước Tâm.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 729/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2017 về việc: *"Tranh chấp HNGĐ - Xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản và nợ"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXX - ST ngày 10 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13a/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1979;
Địa chỉ: ấp 3, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.
2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1976;
Địa chỉ: ấp 3, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.
3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
Ngân hàng C;
Địa chỉ: khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp
Đại diện theo ủy quyền là bà Văn Thị Thanh N - Phó Giám đốc Phòng giao dịch huyện C theo quyết định ủy quyền ngày 09/6/2015

(Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện, ý kiến tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 1996, chị H và anh T được cha mẹ hai bên gia đình tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C ngày 22/10/2002. Cuộc sống vợ chồng lúc đầu vẫn hạnh phúc nhưng thời gian sau, nhưng thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vì anh T thường kiếm chuyện chửi mắng và đánh đập chị H, còn nói nhiều lời xúc phạm chị, sự việc xảy ra mâu thuẫn ngày càng thêm trầm trọng. Vì vậy từ tháng 4/2017, chị H và anh T đã ly thân với nhau. Trong thời gian ly thân này anh T có tìm cách hàn gắn nhưng chị H không đồng ý. Nay chị H nhận thấy tình cảm hai bên không thể hàn gắn được, nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hữu T, sinh ngày 20/01/1998. Khi ly hôn, con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng có nợ của Ngân hàng C tổng cộng là 11.500.000 đồng (trong đó có 2.500.000 đồng là vay theo chương trình hộ nghèo còn 9.000.000 đồng là vay theo chương trình nhà trả chậm). Khi ly hôn, chị và anh T đã thống nhất là một mình anh T sẽ trả cho Ngân hàng 11.500.000 đồng tiền gốc và lãi suất theo quy định của Ngân hàng.

* Theo ý kiến tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: anh thừa nhận lời trình bày của chị H về việc hai người kết hôn năm 1996, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C ngày 22/10/2002. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn như lời trình bày của chị H, anh thừa nhận là có chửi mắng chị H nhưng nhiều lần anh chỉ hăm dọa là đánh chị chứ không có đánh chị H. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2017 đến nay. Trong thời gian ly thân này anh T có tìm cách hàn gắn nhưng chị H không đồng ý. Mặc dù chị H kiên quyết xin ly hôn và tại phiên hòa giải cũng như phiên tòa hôm nay anh có khuyên nhưng chị H không đồng ý hàn gắn tình cảm vợ chồng và hiện tại anh không có cách gì để hàn gắn với chị H nhưng do anh còn thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hữu T, sinh ngày 20/01/1998. Khi ly hôn, con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng có nợ của Ngân hàng C tổng cộng là 11.500.000 đồng (trong đó có 2.500.000 đồng là vay theo chương trình hộ nghèo còn 9.000.000

đồng là vay theo chương trình nhà trả chậm). Khi ly hôn, anh đồng ý trả cho Ngân hàng 11.500.000 đồng tiền gốc và lãi suất theo quy định của Ngân hàng

* Theo ý kiến tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng C có đại diện ủy quyền là bà Văn Thị Thanh N trình bày:

Theo số liệu và hồ sơ lưu trữ tại Ngân hàng thì chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 11.500.000 đồng (chương trình cho vay hộ nghèo số tiền gốc là 2.500.000 đồng và chương trình cho vay nhà trả chậm cùng thường xuyên ngập lũ ĐBSCL số tiền 9.000.000 đồng), đến thời điểm hiện tại anh T chị H còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 11.500.000 đồng và số tiền lãi là 34.000 đồng. Nếu anh T và chị H thống nhất một mình anh T sẽ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng cũng đồng ý.

Nay ngân hàng C yêu cầu anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 11.500.000 đồng và lãi suất theo quy định của Ngân hàng từ ngày 19/12/2017 đến ngày xét xử hôm nay là 34.000 đồng; Tổng cộng là 11.534.000 đồng.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:
1. Bản sao trích lục kết hôn tên Nguyễn Thị H - Nguyễn Văn T.
2. Bản sao trích lục khai sinh tên Nguyễn Hữu T.
3. Bản sao y quyết định ngày 09/6/2015 về việc ủy quyền;
4. Bản photot sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ;
5. Bản photo giấy đề nghị vay vốn ngày 23/6/2010;
6. Bản photo sổ vay vốn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về hôn nhân: Xét thấy chị Nguyễn Thị H và Nguyễn Văn T kết hôn 1996, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/10/2002. Sau khi kết hôn, chị H và anh T cùng thừa nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vì anh T thường kiếm chuyện chửi mắng và đánh đập chị H, còn nói nhiều lời xúc phạm chị H. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2017 đến nay. Chị H yêu cầu ly hôn, anh T không đồng ý vì cho rằng anh còn thương vợ nhưng tại phiên hòa giải cũng như phiên tòa hôm nay anh cũng không có cách nào hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng, khoảng thời gian vợ chồng ly thân, anh T cũng đã nhiều lần tìm cách

hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị H không đồng ý, điều này cho thấy hôn nhân giữa hai người không đạt được mục đích. Nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh T xét thấy là phù hợp nên Tòa chấp nhận.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị H anh T vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hữu T, sinh ngày 20/01/1998 đã trưởng thành trên 18 tuổi, tự lao động sinh sống được và chị H anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Chị H anh T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

- Về nợ chung: Quá trình chung sống chị H anh T có nợ Ngân hàng C số tiền gốc là 11.500.000 đồng. Nay chị H, anh T và Ngân hàng cùng thống nhất thỏa thuận một mình anh T sẽ có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 11.500.000 đồng, tiền lãi là 34.000 đồng; Tổng cộng là 11.534.000 đồng. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện và không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Án phí: chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

** Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 211, 212 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Nguyễn Hữu T, sinh ngày 20/01/1998 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị H anh T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

4. Về nợ chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa Ngân hàng C, chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T. Anh Nguyễn Văn T đồng ý trả cho Ngân hàng C số tiền gốc và lãi là 11.534.000 đồng.

Số tiền trên anh Nguyễn Văn T chậm thi hành sẽ được tiếp tục tính lãi từ ngày 08/02/2018, mức lãi suất theo các hợp đồng tín dụng số 249.13.70 ngày 07/4/2010 và số 10.13.TL.05 ngày 24/06/2010 mà anh T đã ký quy định, tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 03835 ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh;

Anh Nguyễn Văn T đồng ý nộp 288.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Ngân hàng C không phải chịu án phí và được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 03976 ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- UBND xã Bình Hàng Trung;
- Tòa án tỉnh.
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Trung Dũng